

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180a/2023/DS-PT

Ngày: 20-9-2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Ông Trần Minh Công  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2023/QĐ-PT ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Trương Doanh D**, sinh năm 1978

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Ngô Ngọc Bình D1**, sinh năm 1995. Địa chỉ: D, Quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2021).

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Anh H**, sinh năm 1971; bà **Phạm Thị Thanh K**, sinh năm 1971.

Cùng trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú: Hẻm C đường C, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Doanh D.

(Ông D1 có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Do mối quan hệ quen biết, tin tưởng nên bà Trương Doanh D có cho vợ chồng ông Nguyễn Anh H, bà Phạm Thị Thanh K vay số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) để làm ăn và trang trải cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, vào ngày 04/9/2019 khi viết giấy vay tiền và nhận tiền do ông H bận công tác nên ông H không ký vào giấy nhận tiền mà chỉ có bà K là người ký giấy vay tiền và nhận tiền. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 04/12/2019, lãi suất hai bên tự thỏa thuận.

Trong quá trình thực hiện việc vay mượn thì vợ chồng ông H, bà K đã không trả được khoản nợ gốc, lãi cho bà D, bà D đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà K trả nợ nhưng đều tránh né, không chịu trả. Việc làm của ông H, bà K đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của bà D. Vì vậy, bà D đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà K trả 400.000.000 đồng tiền gốc.

*Bị đơn bà K trình bày:*

Bà thừa nhận vào năm 2019, bà có vay của bà Trương Doanh Doanh s tiền là 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*). Việc vay mượn này là do bản thân bà vay để đóng tiền ảo trên mạng, ông H không biết gì về việc vay mượn này. Ông H biết bà vay mượn của bà D là khi bà D đòi nợ và khởi kiện ra tòa, khi vay mượn bà có viết giấy tay và ký xác nhận. Việc vay mượn này bà không lo cho gia đình và cũng như không đưa cho ông Hải đồng nào cả, bà sử dụng cho cá nhân. Khi vay hai bên tự thỏa thuận lãi suất.

Bà đã trả được một lần tiền lãi với số tiền 7.000.000 đồng, khi trả lãi xong bà D đã hủy giấy vay mượn và làm lại giấy vay mượn mới để tính lãi lại.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) thì bà đồng ý và xin trả dần không tính lãi suất vì hiện nay bà gặp khó khăn. Việc vay mượn của bà không liên quan đến ông H, hiện nay bà và ông H đã ly hôn nên bà tự trả nợ cho bà D. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bà không đồng ý và đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời để bà có điều kiện bán phần đất của bà để trả nợ cho bà D.

*Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Anh H ngày 29/3/2022 thì:* Ông là chồng của bà K và đã ly hôn vào năm 2020 và ông không quen biết bà Doanh D. Việc bà Doanh D cho bà K vay mượn tiền vào ngày 04/9/2019 thì ông không biết, bà K cũng không nói gì về việc vay tiền cho ông nghe. Hơn nữa, năm 2017

bà K và ông phát sinh mâu thuẫn nên ông lên Đ sinh sống còn bà K cùng các con sống tại quê nhà. Do đó, việc vay tiền của bà K nêu trên là khoản vay riêng của bà K.

Tài sản bị áp dụng biện pháp phong tỏa, các tài sản chung giữa ông và bà K theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà K cùng các con đã ủy quyền cho ông từ nhiều năm trước để vay vốn. Đến tháng 4/2021, ông làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường S thì bị cơ quan thi hành án kê biên nên không chuyển nhượng được và ông cũng xác định chữ ký chữ viết bà K tại mẫu Tòa án thu thập là do bà K ký và viết. Sau này, ông biết được việc bà K có vay tiền của bà D là do mọi người trong thôn nói.

Đối với việc khởi kiện của bà D thì ông có phương hướng như sau: Ông đồng ý đứng ra đại diện cho bà K trả cho bà D khoảng 100.000.000 đồng và số tiền còn lại ông sẽ trả trong 03 năm, với điều kiện bà D rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu bà D đồng ý thì ông cam kết còn bà D không đồng ý thì ông đề nghị tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Vụ án đã được tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông (bà) Phạm Thị Thanh K - Nguyễn Anh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Phạm Thị Thanh K có nghĩa vụ trả cho bà Trương Doanh Doanh s tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền gốc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành của các đương sự.

Ngày 09/6/2023, nguyên đơn bà Trương Doanh D kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông H cùng với bà K trả số tiền 400.000.000đ cho bà D.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông D1 cho rằng bà K vay tiền là để phục vụ cuộc sống gia đình, thời điểm vay tiền năm 2019 thì ông H và bà K chưa ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông H và bà K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Doanh Doanh s tiền 400.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa

Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Doanh D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Trương Doanh D cho bà Phạm Thị Thanh K vay số tiền 400.000.000 đồng, đến hạn trả nợ bà K không trả tiền cho bà D theo cam kết. Bà D khởi kiện yêu cầu bà K, ông H cùng có trách nhiệm trả nợ. Phía bị đơn bà K đồng ý trả nợ cho bà D. Ông H, bà K đều xác định tiền nợ không liên quan đến ông H nên hai bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trương Doanh D thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Trương Doanh D thì thấy rằng, theo hồ sơ thể hiện:

[3.1] Ngày 04/9/2019, bà K có viết giấy mượn tiền của bà Doanh số tiền 400.000.000 đồng. Tại giấy mượn tiền chỉ có chữ viết và chữ ký của bà Phạm Thị Thanh K không có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Anh H. Quá trình giải quyết vụ án, bà K cũng thừa nhận là vào ngày 04/9/2019 bà có vay của bà Doanh số tiền 400.000.000 đồng và bà K đồng ý trả số tiền trên cho bà D bằng cách trả dần. Bà K trình bày mượn bà Doanh số tiền này để đóng tiền ảo trên mạng, không lo cho gia đình và cũng không đưa cho ông H, ông H không biết việc bà vay mượn tiền của bà D.

[3.2] Theo lời trình bày của ông H việc bà K vay mượn tiền của bà D không liên quan đến ông H và ông H cũng không biết gì về việc vay mượn tiền này. Năm 2017 ông H và bà K có mâu thuẫn, ông H đã lên thành phố Đ sinh sống, còn bà K sinh sống cùng hai con ở thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đến tháng 6/2020, bà K và ông Hải ly h theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận các đương sự số 182/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay mượn tiền giữa bà K với bà D không liên quan đến ông H. Tòa án

cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án buộc bà K trả số tiền 400.000.000đ cho bà D là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Doanh D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Doanh D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Doanh D đối với bị đơn bà Phạm Thị Thanh K, ông Nguyễn Anh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Phạm Thị Thanh K có nghĩa vụ trả cho bà Trương Doanh D s tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) tiền gốc.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Thanh K phải chịu 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Trương Doanh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011926 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà Trương Doanh D s tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000192 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND TP. Đà Lạt (02);
- VKSND TP. Đà Lạt (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Nguyệt**